

Phân chia con cái và tài sản sau ly hôn ở các gia đình khu vực Tây Nam Bộ

Trần Thị Minh Thi¹

¹ Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: thittm.ifgs@vass.gov.vn

Nhận ngày 15 tháng 12 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 2 năm 2020.

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, phân tích các thống kê tình hình ly hôn và hồ sơ ly hôn hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2009-2017) theo nguyên tắc khuyết danh và số liệu khảo sát 120 trường hợp ly hôn, nhằm tìm hiểu các hệ quả phân chia con cái và tài sản sau ly hôn tại một xã thuộc huyện U Minh, tỉnh Cà Mau và một phường thuộc thành phố Cần Thơ năm 2018. Đồng thời, các nghiên cứu về trường hợp cụ thể trong số những người đã ly hôn ở những quận huyện này nhằm thu thập thông tin chi tiết, làm phong phú thêm các kết quả định lượng, đưa ra lời giải thích khả thi và khai thác khía cạnh văn hóa xã hội của ly hôn, điều không có trong thống kê định lượng.

Từ khóa: Hệ quả sau ly hôn, phân chia con cái, phân chia tài sản.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: In the paper, the author researches and analyses the annual statistics and records of divorces in the Supreme People's Court and the People's Court of Can Tho city during the period 2009-2017 on the principle of anonymity and survey data of 120 divorce cases, in order to get to understand the effects of children and property arrangements after divorce in a commune of U Minh district, Ca Mau province and a ward of Can Tho city in 2018. At the same time, case studies among divorced people in the districts are researched to gather detailed information and enrich quantitative results, thus providing appropriate explanations studying the socio-cultural aspect of divorce, which is not included in quantitative statistics.

Keywords: Post-divorce effects, children arrangement, property arrangement.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Hậu quả của ly hôn tới cuộc sống tương lai của người phụ nữ đã được nghiên cứu cách đây rất lâu. Những nghiên cứu ban đầu đã phân biệt những điều sẽ gây nên đau khổ về mặt tinh thần, thông thường có tương quan tới số lượng những áp lực mà người phụ nữ phải trải qua, gây nên sự đau khổ lớn cho họ. Ly hôn liên quan tới rất nhiều điều kiện tâm lý, và có lẽ thực sự là một trong những việc buồn nhất mà cá nhân phải trải qua trong cuộc đời [3].

Kết thúc một cuộc hôn nhân cắt ngang hầu hết các mối quan hệ trong cuộc sống người phụ nữ. Ly hôn sẽ thay đổi quan hệ xã hội, tài chính, chăm sóc con, việc nhà, nhu cầu công việc, cư trú, và hòa nhập cuộc sống. Một trong những quyết định khó khăn nhất khi ly hôn là việc nuôi con. Những sự gắn kết tình cảm, sự công bằng, và gánh nặng kinh tế giữa cha mẹ và con cái đều được đưa vào xem xét khi quyết định ai sẽ nuôi con. Ở cả phương Tây và phương Đông, người mẹ thường là người nuôi con sau ly hôn. Từ cách nhìn của khoa học xã hội, việc sắp xếp nuôi con rất quan trọng vì nó phản ánh được khả năng, nguồn lực của cha mẹ cũng như ai được yêu quý hơn. Nhìn từ phía chính sách công, cần phải tìm được người sẽ chịu trách nhiệm trước luật pháp cho đứa trẻ và quan tòa sẽ chỉ quan tâm tới những hậu quả mà cuộc ly hôn này sẽ gây ra cho chúng. Việc đứa trẻ sẽ sống cùng ai hết sức quan trọng bởi đó sẽ là người chăm sóc và mang lại sợi dây tình cảm thường ngày như trước đây để trẻ có thể phát triển bình thường và được hỗ trợ kinh tế [2], [4], [5]. Bên cạnh đó, nhà ở, tài sản sau ly hôn có thể ảnh hưởng đến khả năng cá nhân sắp xếp lại cuộc sống và tạo nguồn lực cho những hòa nhập xã hội sau ly hôn.

Qua phân tích các thống kê tình hình ly hôn và hồ sơ ly hôn hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2009-2017) theo nguyên tắc khuyết danh, và số liệu khảo sát 120 trường hợp ly hôn, bài viết này² phân tích việc phân chia con cái và tài sản sau ly hôn tại một xã thuộc huyện U Minh, tỉnh Cà Mau và một phường thuộc thành phố Cần Thơ hiện nay theo các nhóm nhân khẩu xã hội khác nhau.

2. Phân chia con cái sau ly hôn

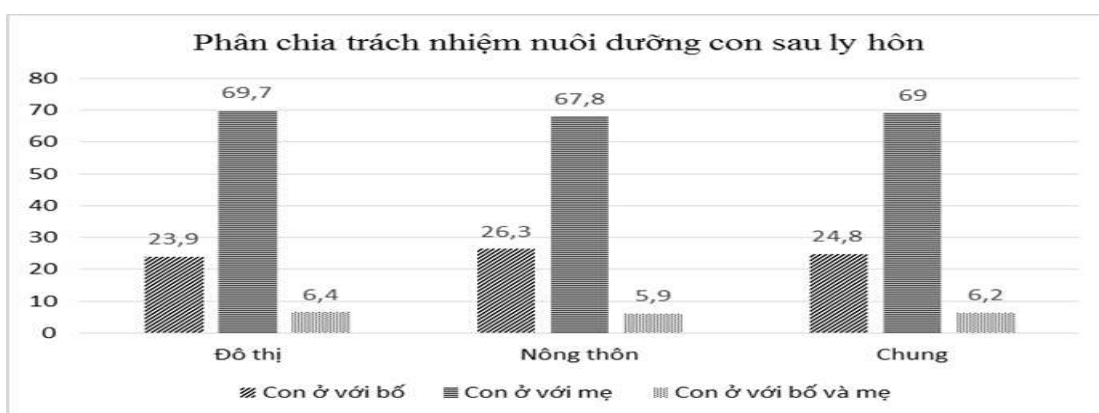
Theo Luật Hôn nhân và Gia đình tại Việt Nam, sau khi ly hôn, các cặp vợ chồng có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ em (dưới 18 tuổi) và trẻ em khuyết tật trưởng thành. Nguyên tắc áp dụng là làm những gì tốt nhất cho trẻ em. Người mẹ được quyền nuôi con dưới ba tuổi, nếu các cặp vợ chồng không có lựa chọn nào khác. Nếu trẻ em trên chín tuổi, sự sắp xếp sẽ được xác định dựa trên ý chí trẻ con. Trong thực tế, việc sắp xếp trẻ em dựa trên nguyên tắc lợi ích tốt nhất. Thẩm phán thường xem xét tình trạng kinh tế, đạo đức và tình cảm của cha mẹ trước khi quyết định cấp quyền nuôi con. Người bạn đời không chăm sóc con có trách nhiệm cung cấp tài chính. Nhìn chung, các cặp vợ chồng có thể thương lượng để đạt được thỏa thuận về quyền nuôi con trước tòa án ly hôn. Trong trường hợp có xung đột, thẩm phán đưa ra quyết định cuối cùng.

Trong đa số các trường hợp ly hôn mà con vẫn còn nhỏ, tòa án cho rằng, ngay cả khi cả hai cha mẹ đều có khả năng chăm sóc trẻ sơ sinh, người mẹ nên được quyền nuôi trẻ nhỏ. Lý do rõ ràng là do thực tế đặc điểm trẻ sơ sinh phụ thuộc vào thể chất và

tình cảm của mẹ hơn bất kì ai khác. Duy trì tình trạng đó về cơ bản nhằm đảm bảo tính liên tục trong chăm sóc trẻ, đảm bảo sự phát triển tình cảm và tâm lý của trẻ. Việt Nam duy trì cách tiếp cận truyền thống trong trao quyền nuôi con và hỗ trợ; tức là cấp trách nhiệm nuôi dạy trẻ cho một người và chỉ cấp quyền thăm hỏi cho người kia khi con dưới 18 tuổi. Trong đó, tòa án khuyến khích các phụ huynh không sống cùng được tham gia vào việc nuôi dạy con cái.

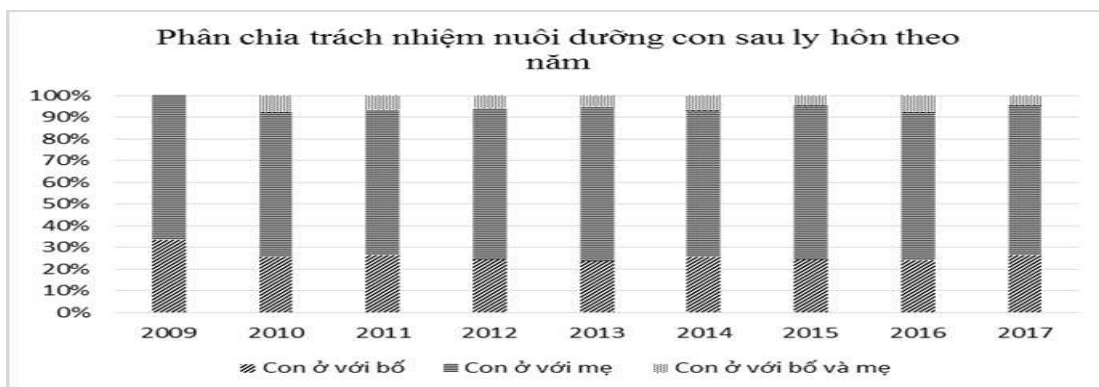
Trẻ em sống với mẹ sau khi ly hôn là xu hướng phổ biến hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng, bất kể các đặc điểm về nơi ở, mức sống, số con, năm ly hôn, tuổi ly hôn, và mô hình chung sống trước khi kết hôn [5]. Nghiên cứu ở khu vực Tây Nam Bộ cho kết quả tương tự với 69% các cuộc ly hôn có con cái ở với mẹ sau khi cha mẹ chia tay trong thời gian ly hôn từ 2009 đến nay. Tỷ lệ con cái ở với bố chiếm 24,8% và chia cho cả hai bố mẹ là 6,2% (Biểu đồ 1 và 2).

Biểu đồ 1. Phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con sau ly hôn theo địa bàn cư trú (N=4206) (%)



Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Biểu đồ 2. Phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con sau ly hôn theo năm (N=4206)



Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Theo địa bàn cư trú, con cái dưới 18 tuổi ở với mẹ hoặc bố mẹ cùng nuôi con ở địa bàn đô thị cao hơn ở địa bàn nông thôn, trong khi con ở với bố ở nông thôn là cao hơn (Biểu đồ 1). Theo mức sống, nhóm ly hôn có mức sống khá giả hơn thì có tỷ lệ con cái ở với mẹ sau ly hôn thấp hơn một chút so với nhóm có mức sống thấp hơn, đồng thời có tỷ lệ con ở với bố cao hơn (Bảng 1). Theo tuổi ly hôn của bố

hoặc mẹ, nhóm ly hôn ở độ tuổi trên 41 có tỷ lệ con ở với mẹ cao nhất so với các nhóm tuổi ly hôn trẻ hơn. Tuổi của mẹ khi ly hôn càng cao, tỷ lệ con cái ở với mẹ sau ly hôn cũng càng cao, cho thấy người mẹ có trách nhiệm và gắn bó rất lớn với con cái sau khi ly hôn, nhất là khi họ đã tương đối vững vàng về tâm lý, kinh tế ở một độ tuổi nhất định (Bảng 2).

Bảng 1. Phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con sau ly hôn theo mức sống và số con (N=4206) (%)

	Mức sống			Số con	
	Khá	Trung bình	Nghèo	1-2 con	Trên 3 con
Con ở với bố	28,5	25,7	26,8	24,8	24,6
Con ở với mẹ	66,1	67,2	68,3	69,4	53,8
Con ở với bố và mẹ	5,4	7,1	4,9	5,9	21,5

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Bảng 2. Phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con sau ly hôn theo tuổi của người ly hôn (N=4206) (%)

	Tuổi li hôn của vợ			Tuổi li hôn của chồng			Năm sinh của chồng			Năm sinh của vợ		
	<30	31-40	>41	<30	31-40	>41	<1960	1961-1975	>1976	<1960	1961-1975	>1976
Con ở với bố	28,4	23,5	19,6	27,2	24,8	22,4	18,7	22,9	25,8	8,7	20,7	26
Con ở với mẹ	66,9	68,2	77,5	69,3	67,5	72,3	74,7	70,9	67,9	91,3	74,3	67,4
Con ở với bố và mẹ	4,7	8,3	2,9	3,5	7,7	5,2	6,7	6,2	6,3		4,9	6,6

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Có một số khác biệt nhỏ giữa các nhóm xã hội về phân chia con cái sau ly hôn. Cụ

thể, việc con ở với mẹ cao hơn hẳn với các cặp ly hôn có 1-2 con, nhất là những cặp vợ

chồng có mức sống nghèo hoặc khó khăn về kinh tế. Với những cặp ly hôn có từ ba con trở lên, tỷ lệ hai vợ chồng đều phải chịu trách nhiệm nuôi dưỡng các con cao hơn (Bảng 1). Các nghiên cứu trường hợp cho thấy, trẻ em sống với mẹ thường không nhận được trợ cấp tài chính thường xuyên từ người cha. Mối quan hệ giữa mẹ và con cái sau ly hôn thường vẫn gắn bó, kể cả trong trường hợp trẻ sống với người cha. Ngược lại, mối quan hệ giữa cha và con cái thường là kém hơn vì trẻ thường coi cha là người có lỗi trong tan vỡ gia đình, và người cha thường lập gia đình mới sau khi ly hôn.

Trong quyết định ly hôn, tòa án luôn nêu rõ mức đóng góp và phụ cấp của người cha với con dưới 18 tuổi, và một số trường hợp là với vợ nhưng thực tế đóng góp nuôi con hàng tháng là thấp, không đều đặn... Đây là những chế tài pháp luật và tuyên truyền nhận thức để việc trợ cấp sau ly hôn được thực hiện hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Từ quan điểm pháp lý, các tiêu chuẩn xác định “lợi ích tốt nhất của trẻ em” là một nguyên tắc luật khá mơ hồ. Lý do là vì nguyên tắc này khá khó xác định và rủi ro do tòa án phải dự đoán những sắp xếp nuôi con và hỗ trợ tốt nhất dựa trên những thông tin có được từ cuộc ly hôn. Ngay cả khi tòa án qua nhiều kênh thông tin và kiểm chứng của mình để đánh giá đâu là sự sắp xếp tốt nhất cho trẻ em, đôi khi những đánh giá đó vẫn không liên quan thực sự đến trẻ em. Do thực tế các mối quan hệ được đánh giá tại thời điểm căng thẳng bất thường, độ tin cậy của bất kỳ quyết định nào thường là điều không chắc chắn. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, tòa án phải đi đến một quyết định cuối cùng.

Xu hướng con cái sống với mẹ sau khi ly hôn rõ ràng vẫn còn trong năm 2018. Con cái của những người ly hôn cư trú ở nông thôn, có nhiều hơn 3 con, lớn tuổi, phụ nữ ly hôn trong 1-3 năm và sau 10 năm thậm chí có tỷ lệ sống với mẹ cao hơn sau khi ly hôn. Tỷ lệ sống với con cái cũng rất cao trong số nữ, có nhiều con, nhiều tuổi hơn và làm việc cho khu vực công. Các đặc điểm này cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng tái hôn và phục hồi của phụ nữ sau khi ly hôn do họ chịu trách nhiệm chăm sóc con chính. Các đặc điểm gia đình của phụ nữ như trách nhiệm của họ đối với con cái, việc nhà là những yếu tố chính tác động đến việc làm và sự hòa nhập xã hội của họ.

Phụ nữ ở thành thị có thể có điều kiện kinh tế tốt hơn phụ nữ nông thôn nên họ có thể chủ động hơn trong việc giành quyền nuôi con. Điều này có thể giải thích xu hướng vai trò giới truyền thống trong chăm sóc con cái vẫn khá mạnh mẽ ở Việt Nam Xu hướng trẻ em sống với cha sau khi ly hôn là thấp hơn nhiều so với các bà mẹ. Đa số phụ nữ mong muốn chăm sóc con cái sau ly hôn và nhiều khi hi sinh hạnh phúc riêng vì con, coi con là nguồn an ủi động viên quan trọng sau chia tay. “Mình tủi thân, lúc mà chị ly dị đó. Người ta nghĩ mình xấu, đánh giá chị rồi dạy con người ta không được học theo chị. Tủi thân nhưng mình được an ủi, vì mình ở với mẹ mình mà. Với có con cũng an ủi mình hơn” (PVS TTAD, nữ, sinh năm 1981, ly hôn chồng Ấn Độ).

Đa số các thẩm phán đồng ý với các chuyên gia về tầm quan trọng của tính liên tục, ổn định và khả năng dự đoán được của

các mối quan hệ gắn bó với sự phát triển tình cảm và tâm lý của trẻ. Việt Nam duy trì cách tiếp cận truyền thống trong trao quyền nuôi con và hỗ trợ; tức là cấp trách nhiệm nuôi dạy trẻ cho một người và chỉ cấp quyền thăm hỏi cho người kia. Trong đó, tòa án khuyến khích các phụ huynh không sống cùng được tham gia vào việc nuôi dạy con cái.

Bằng chứng từ các nghiên cứu trường hợp cho thấy, ngay cả khi người vợ là người chăm sóc con cái, và chồng phải trợ cấp cho con sau khi ly hôn, điều này không phải lúc nào cũng được thực hiện do sự giám sát thực thi pháp luật còn hạn chế. Nhiều người chồng không đóng góp nuôi dưỡng con cái của họ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. “Ông không có giúp cô nuôi con bằng cách nào, cả về hỗ trợ tiền bạc hay chăm. Phải nói cô là bạc phận luôn, từ ngày bắt đầu năm 86 cho đến ngày nay chưa có ngày nào là được đồng xu lẻ nào để mà nuôi con, rất là khó khăn. Kể cả mà ăn cơm chỉ có 1 lon gạo thôi, kể như là chuối, khoai lang là dọn cho con mình ăn, nói chung là tạm bợ cho con mình ăn” (PVS NTV, sinh năm 1952, ly hôn năm 1986).

Điều này đặt ra những yêu cầu truyền thông và giám sát tuân thủ phán quyết của toàn án để người chồng ít nhất phải trả tiền nuôi con để con cái không là nạn nhân của cuộc khủng hoảng ly hôn. Phụ nữ ly hôn phải chịu đựng những khó khăn kinh tế do phải gánh trách nhiệm chăm sóc con khi chồng bỏ bê trách nhiệm cấp dưỡng có nguy cơ rơi vào cuộc sống căng thẳng và trầm cảm. Bằng chứng từ các nghiên cứu trường hợp ở những người ly hôn ủng hộ

manh mẽ những phát hiện này. “Từ lúc chia tay chồng một mình nuôi con vất vả từ lúc sáng đến giờ này đến tối 7, 8h mới về, vừa bán vé số vừa bán rau, rất cực” (PVS TTBL, sinh năm 1976). “10 năm trời là ông ý không hề liên lạc gì với em, con cũng không hỏi thăm 1 câu nào trực tiếp với em luôn chỉ hỏi qua người khác thôi. Trong 3 năm đầu là uất ức nghẹn ngào luôn” (PVS LHLN, nữ, sinh 1984, ly hôn Việt kiều, chủ nhà hàng, ly thân 2005, ly hôn 2017, Cần Thơ).

Quy định và hình thức giám sát việc thực hiện quyết định của tòa án về trợ cấp nuôi con và trợ cấp cho vợ/chồng sau ly hôn còn bị bỏ ngỏ. Trong quyết định ly hôn, tòa án luôn nêu rõ mức đóng góp của người cha với con dưới 18 tuổi, và một số trường hợp là với vợ. Thực tế nghiên cứu, dù chưa đầy đủ, cho thấy việc người cha đóng góp nuôi con hàng tháng là thấp và không đều đặn. Trên thực tế, việc đóng góp của cha mẹ với con cái sau ly hôn hầu như không đều đặn, thiếu hiệu quả, ít thiết thực, đặt ra một gánh nặng lớn cho người chịu trách nhiệm nuôi dạy con cái, ở đây là phụ nữ.

3. Phân chia tài sản sau ly hôn

Phân chia tài sản sau ly hôn (gồm nhà, đất, tài sản có giá trị, tiền mặt...) theo pháp luật nhìn chung là chia đôi, trong đó có quan tâm đến quyền và lợi ích của phụ nữ. Những trường hợp không phân chia nhà đất đa số bao gồm những trường hợp ở chung với cha mẹ, thuê nhà ở, ở nhờ, v.v.. trước khi ly hôn. Hầu hết các cuộc ly hôn ở Cần

Thời giai đoạn 2009-2017 đều tự phân chia tài sản hoặc không có nhà để phân chia tại thời điểm ly hôn. Theo địa bàn cư trú, phân tài sản nhà ở cho chồng hoặc chia đều có tỷ lệ cao hơn ở đô thị (Bảng 3). Theo năm, những năm gần đây, tỷ lệ các cặp vợ chồng không có nhà ở để phân chia tại thời điểm ly hôn cao hơn cho thấy hiện tượng ly hôn trở nên sớm hơn khi các cặp vợ chồng chưa xác lập được tài sản chung khi ly hôn.

Các cặp vợ chồng cư trú tại khu vực đô thị có nhiều khả năng phân chia nhà đều hơn so với những cặp vợ chồng ở các khu vực nông thôn. Việc phân chia nhà ở khá khác biệt giữa nông thôn và đô thị.

Có thể nói rằng bình đẳng giới trong sắp xếp nhà ở tại các khu vực đô thị tốt hơn so với khu vực nông thôn. Các ông chồng ở các khu vực nông thôn chủ động và chiếm ưu thế hơn trong xác định quyền sở hữu nhà ở sau hôn nhân.

Bảng 3. Phân chia nhà theo mức sống, địa bàn cư trú và số con (N=1086) (%)

	Địa bàn cư trú		Mức sống				Số con	
	Đô thị	Nông thôn	Khá	Trung bình	Nghèo	Không con	1-2 con	Trên 3 con
Chia cho vợ	1,2	1,2	12,8	12,5	0	0	1,4	0
Chia cho chồng	2,5	1,2	23,1	25	0	2,4	1,6	5,9
Chia đều	5,2	1,2	61,5	20,8	0	0	3,7	11,8
Không có nhà	91,1	95,7	2,6	41,7	100	97,6	93,4	82,4

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Theo mức sống, các gia đình nghèo thì đều không có nhà riêng để phân chia. Với gia đình khá giả, xu hướng chia cho chồng nhà ở là cao hơn chia cho vợ. Xu hướng chia đều cao hơn ở các gia đình có mức sống khá giả. Phụ nữ ở các gia đình nghèo gặp nhiều thiệt thòi hơn trong phân chia nhà ở so với phụ nữ ở các gia đình có mức sống khá hơn. Phụ nữ ly hôn khi chưa có con thì hầu như không được phân chia tài sản nhà, đất sau ly hôn. Các cặp vợ chồng có từ ba con trở lên thì có tỷ lệ chia tài sản đều cho

vợ và chồng cao nhất. Theo độ tuổi khi ly hôn, càng ly hôn ở độ tuổi trẻ tài sản nhà ở càng ít nên không có để phân chia. Càng ở độ tuổi cao, mức độ phụ nữ và nam giới được phân chia nhà ở đều nhau khi ly hôn cao hơn, cho thấy khi kết hôn được càng dài, sự gắn bó, đóng góp càng nhiều thì mức độ đánh giá công sức của vợ được cải thiện hơn (Bảng 4 và 5). Tuy nhiên, trong hầu hết mọi trường hợp, tỷ lệ phụ nữ được chia nhà ở sau ly hôn thấp hơn khá nhiều so với tỷ lệ của chồng.

Bảng 4. Phân chia nhà theo tuổi ly hôn (N=1086) (%)

	Tuổi ly hôn của vợ			Tuổi ly hôn của chồng		
	<30	31-40	>41	<30	31-40	>41
Chia cho vợ	0,4	1,8	1,2	0	1,5	1,4
Chia cho chồng	0,7	1,5	4,3	0	1,8	2,8
Chia đều	1,9	2,6	8,6	1,5	1,8	7
Không có nhà	97	94,1	85,8	98,5	95	88,8

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Bảng 5. Phân chia tài sản theo tuổi của người ly hôn (N=1086) (%)

	Năm sinh của chồng			Năm sinh của vợ		
	<1960	1961-1975	>1976	<1960	1961-1975	>1976
Chia cho vợ	0	1,5	1,2	0	2,5	0,9
Chia cho chồng	2,9	3	1,2	5,6	4,3	1,1
Chia đều	17,6	5,9	1,4	3,3	7,4	1,7
Không có nhà	79,4	89,6	96,3	91,1	85,9	96,2

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Vì hầu hết các cặp vợ chồng không có nhà ở tại thời điểm ly hôn, hoặc tự phân chia tài sản sau ly hôn, nên việc sắp xếp nơi ở sau ly hôn đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và khả năng phục hồi sau khi kết thúc mối quan hệ hôn nhân. Sau ly hôn, người ly hôn có các hình thức sắp xếp nơi ở như ở nhà riêng, thuê nhà, về nhà bố mẹ đẻ, ở nhà anh chị em ruột, trong đó, ở nhà riêng và ở nhà bố mẹ đẻ là phổ biến nhất. Những người sống ở nhà riêng sau ly hôn cao hơn ở nhóm cư trú ở nông thôn, nữ giới, có nhiều con hơn, học vấn dưới trung học phổ thông (THPT), tuổi cao hơn, độ dài hôn nhân lâu hơn, ly hôn được thời gian dài hơn, và tự kinh doanh. Nhóm ở nhà bố mẹ đẻ nhiều nhất là sống ở khu vực nông thôn, nữ giới, không có con cái, học vấn thấp, trẻ tuổi, độ dài

hôn ngắn, mới ly hôn, làm cho khu vực tư nhân. Tỷ lệ thuê nhà là khá cao trong nhóm ở đô thị, nam giới, không có con, học vấn từ THPT trở lên, và mới ly hôn.

Sự sắp xếp nơi ở của những người ly hôn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi trách nhiệm chăm sóc con cái. Ảnh hưởng mạnh mẽ bởi chủ nghĩa gia đình và hệ tư tưởng Nho giáo đặt trách nhiệm chăm sóc cho người mẹ, nhiều phụ nữ coi con cái là tài sản quan trọng nhất và họ sẵn sàng hy sinh vì con cái như một hạnh phúc và cảm xúc của chính mình. Phương thức phổ biến nhất là sống với con cái, sống với gia đình bố mẹ ruột và sống một mình.

Sống một mình phổ biến hơn ở nam giới, những người không có con, đoàn hệ trẻ nhất và già nhất, làm việc cho khu vực công, vợ chủ động ly hôn, thời gian kết hôn lâu hơn

và ly hôn gần đây, cho thấy những người có tính độc lập cao hơn như không có trách nhiệm chăm sóc trẻ em và văn hóa cá nhân cao hơn như đoàn hệ trẻ chọn sống một mình nhiều hơn. Cũng có sự khác biệt về giới tính vì nam giới và nữ giới, cho thấy tỷ lệ sống một mình cao hơn. Nhiều người ly hôn gần đây cũng sống một mình vì họ chưa ổn định sau khi chia tay.

Sống với con cái cao hơn ở những người có nền tảng truyền thống như có nhiều con, lớn tuổi hơn, làm việc tại khu vực công và thời gian kết hôn lâu hơn, ly hôn được thời gian dài hơn. Theo giới tính, nữ có tỷ lệ sống với con cái cao hơn nhiều so với nam giới. Có những dấu ấn của Nho giáo và giá trị gia trưởng trong đời sống hôn nhân, theo đó phụ nữ thường hy sinh vì lợi ích của con cái. Có thể các cặp vợ chồng có nhiều con phải đối mặt với gánh nặng kinh tế và giáo dục lớn hơn, và bạo lực gia đình; điều này tạo ra căng thẳng về cảm xúc, văn hóa, xã hội và kinh tế đối với người bạn đời. Người Việt Nam cho thấy tiếp tục đặt giá trị cao đối với con cái vì những người có nhiều con thì thường sống với con hơn những người có ít con. Độ dài hôn nhân càng lâu và thời gian kể từ khi ly hôn càng dài, tỷ lệ sống với con cái càng cao.

Gia đình bố mẹ đẻ là nguồn hỗ trợ chính cho những người ly hôn không có con, dưới 30 tuổi, không đi làm hoặc làm việc cho khu vực tư nhân và chỉ ly hôn trong vòng năm năm kết hôn, nghĩa là đối với những người chưa có năng lực kinh tế vững vàng và còn trẻ, họ cần dựa nhiều hơn vào gia đình ruột thịt của mình. Những người dưới trình độ học vấn tiểu học có nhiều khả năng sống với bạn đời/bạn tình mới sau khi ly hôn. Thời gian để ly hôn và kể từ khi ly hôn càng dài, tỷ lệ sống với con sau ly hôn càng cao.

Tương tự như tình hình nhà ở sau ly hôn, đa số các cặp vợ chồng không có tài sản để phân chia tại thời điểm ly hôn mà chủ yếu tự thỏa thuận. Nhóm có tài sản phân chia khi ly hôn chủ yếu là ở đô thị, có mức sống khá giả, tuy nhiên, với những cặp vợ chồng có phân chia tài sản khi ly hôn tại tòa, có những khác biệt khá đáng kể theo các đặc điểm nhân khẩu xã hội. Theo địa bàn cư trú, những người ly hôn ở đô thị chia tài sản cho vợ nhiều hơn cho chồng. Nhóm có mức sống khá giả cũng có tỷ lệ chia tài sản cho vợ nhiều hơn cho chồng (Bảng 6). Khi người phụ nữ có con, khi ly hôn, họ được phân chia tài sản nhiều hơn.

Bảng 6. Phân chia tài sản theo mức sống và địa bàn cư trú (N=1086) (%)

	Địa bàn cư trú			Mức sống		Chung
	Đô thị	Nông thôn	Khá	Trung bình	Nghèo	
Chia cho vợ	12,6	2	11,2	7		4,6
Chia cho chồng	7,8	1,1	7,1	3,9		2,8
Không có tài sản	79,6	96,9	81,7	89,1	100	92,6

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Sự bình đẳng trong phân chia tài sản có thể thấy khá rõ qua tỷ lệ phân chia tài sản theo tuổi ly hôn (Bảng 7). Nhóm ly hôn ở độ tuổi trẻ như dưới 30 có tỷ lệ chia tài sản cho vợ nhiều hơn hoặc chia đều cao hơn là chia cho chồng nhiều hơn, so với các nhóm

tuổi cao hơn. Khi độ tuổi càng cao thì tỷ lệ chia cho vợ nhiều tài sản hơn là rõ nét hơn so với các nhóm tuổi trẻ hơn, cho thấy khi đóng góp của vợ đủ dài theo thời gian thì họ mới có thể có tiếng nói và được phân chia quyền lợi đảm bảo khi ly hôn (Bảng 8).

Bảng 7. Phân chia tài sản theo tuổi ly hôn (N=1086) (%)

	Tuổi ly hôn của vợ			Tuổi ly hôn của chồng		
	<30	31-40	>41	<30	31-40	>41
Chia cho vợ nhiều hơn	7,8	2,6	3,7	9,8	3,5	3,4
Chia cho chồng	3,2	1,9	3,7	3,4	1,9	3,7
Không có tài sản	89	95,5	92,7	86,8	94,6	93

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

Bảng 8. Phân chia tài sản theo tuổi của người ly hôn (N=1086) (%)

	Tuổi chồng			Tuổi vợ		
	<1960	1961-1975	>1976	<1960	1961-1975	>1976
Chia cho vợ nhiều hơn	10,2	2,9	5,3	11,8	3,2	4,8
Chia cho chồng	4,1	3,2	2,4	3,9	2,5	
Không có tài sản	85,7	93,9	92,3	88,2	92,9	92,7

Nguồn: Tính toán từ thống kê các hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ của tác giả giai đoạn 2009-2017

4. Kết luận

Tranh chấp tài sản trong và sau ly hôn là vấn đề nhiều cuộc ly hôn gặp phải. Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Điều 47 quy định khi kết hôn, vợ chồng có thể lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận bằng hình thức văn bản có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, thực tế, việc vợ chồng thỏa thuận về tài sản chung và riêng tại thời điểm kết hôn thường là không phổ biến. Một trong những vướng mắc về tài sản khi ly hôn là việc xác định thời điểm chế độ tài

sản chung vợ chồng. Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, sản xuất, kinh doanh... trong thời kỳ hôn nhân. Trên thực tế, cuộc hôn nhân của mỗi cặp vợ chồng thường có hai thời điểm, đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới. Nhiều trường hợp đã làm đám cưới, chung sống, có con chung với nhau, cùng có tài sản chung nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận tài sản khi ly hôn. Việc xác định tài sản chung cũng khó khăn khi

tài sản có thể có trước khi kết hôn nhưng chứng nhận pháp lý (giấy chứng nhận sử dụng đất) được cấp trong thời kỳ hôn nhân.

Vì thế, cần có những sửa đổi, bổ sung hoặc có hướng dẫn áp dụng pháp luật cụ thể để đảm bảo quyền lợi của các bên, tránh những hệ lụy phát sinh khi vấn đề tranh chấp không giải quyết dứt điểm gây tổn thương tâm lý kéo dài cho các thành viên trong gia đình hoặc tránh việc ly hôn lại là nguyên nhân phát sinh những mâu thuẫn hoặc vi phạm pháp luật khác. Đồng thời tăng cường phổ biến, tuyên truyền tiền hôn nhân cho các cặp vợ chồng về quyền lợi và nghĩa vụ trong hôn nhân và gia đình.

Chú thích

² Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Vấn đề ly hôn của các cộng đồng tộc người ở Tây Nam Bộ hiện nay: Thực trạng, nguyên nhân và hệ quả xã hội”, mã số 504.05-2016.04, do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam (NAFOSTED) tài trợ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (2017), *Hồ sơ ly hôn ở các quận huyện Cần Thơ giai đoạn 2009-2017*.
- [2] Fox, G. and R. F. Kelly (1995), “Determinants of Child Custody Arrangements at Divorce”, *Journal of Marriage and the Family*, 57: 693–708.
- [3] Kitson, G. C (1992), *Portrait of divorce: Adjustment to marital breakdown*, Guilford, New York.
- [4] Trần Thị Minh Thi (2014), *Divorce in Contemporary Viet Nam: A Socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s*, Social Sciences Publishing House.
- [5] Tran Thi Minh Thi (2015), “Divorce prevalence under the forces of individualism and collectivism in “shortcut” modernity in Vietnam”, *Weaving Women's Spheres in Vietnam: The Agency of Women in Family, Religion and Community*, Brill Publishers Asian Studies, The Netherlands.